

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/03/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP02+RP3	7:25	10+11	0+0		4+11	0+0	
2		TD2+PPD+BK15	7:25	6+16+0	0+0+0		1+16+4	0+0+0	chuyen 1 td2-bk15
3		SAVR+PVD8+P4	7:25	5+2+13	0+0+0		5+0+13	0+0+0	
4		CTK3+PPD	9:25	1+21	0+0		0+12	0+0	chuyen 1 ctk3-ppd
5		P4+P5+P2	9:25	11+0+11	0+0+0		0+1+3	0+0+0	
6		BK14+BK8+TD3	9:25	13+1+6	0+0+0		0+0+4	0+0+0	
7		RP2+RC5+RC4	12:00	6+12+2	0+0+0		1+12+0	0+0+0	
8		RP2+CTC1+RC6	12:00	6+2+11	0+0+0		0+3+15	0+0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: VSP02 - RP3	CREW: LINH - N.ANH - HIẾU	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/1096	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ THANH TUẤN	VSP02	79	1	7			81	ANTOAN	Vietnamese
2	PHẠM TRỌNG TUẤN	VSP02	82	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02	74	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
4	GASUKHA VITALY	VSP02	80	1	3			103	АУ СП	Russian
5	KRAMARENKO V.V	VSP02	83	1	7			67	ПДНГ	Russian
6	TRUBOCHKIN A.A.	VSP02	81	1	5	2	25	81	ПДНГ	Russian
7	TRẦN NGỌC TỬ	VSP02	75	1	7			81	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN HỒNG ĐỨC	VSP02	77	1	6			61	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC TÍN	VSP02	76	1	9			58	PSV	Vietnamese
10	VŨ VĂN CHUYỀN	VSP02	78	1	4			65	PSV	Vietnamese
11	KHARITONOV YURY	RP3	32	1	13			80	KHI	Russian
12	PHẠM NGỌC HÙNG	RP3	33	1	6	1	23	84	KHI	Vietnamese
13	TRẦN THANH ĐỨC	RP3	26	1	4			96	KHI	Vietnamese
14	VŨ MẠNH CUÔNG	RP3	27-28	2	9			70	KHI	Vietnamese
15	PHẠM HOANG NGUYỄN	RP3	30	1	5			68	KHI	Vietnamese
16	PHẠM QUỐC KHANH	RP3	25	1	4			82	KHI	Vietnamese
17	HOANG VĂN HẢI	RP3	24	1	7			67	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG NAM	RP3						67	KHI	Vietnamese
19	VŨ ĐÓN LONG	RP3	29	1	7			73	KHI	Vietnamese
20	KHÔNG TIẾN DŨNG	RP3	34-35	2	19			74	KHI	Vietnamese
21	LÊ THANH ĐẠT	RP3	31	1	6			95	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP02	10	737	10	58	2	25	4		
2	RP3	11	856	12	80	1	23	11		
TOTAL		21	1.593	22	138	3	48	15		
WEIGHT KG			1.593		138		48			

GRAND TOAL: 1.779 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD2 - BK15 - PPD	CREW: HUNG - N.CUONG - HUY	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/1099	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRAN THIEN SON	TD2	13	1	8	3	37	62	QUYET THA	Vietnamese
2	BUI VAN THUY	TD2	17	1	6			58	QUYET THA	Vietnamese
3	NGUYEN ĐỨC THUAN	TD2	12	1	7			54	QUYET THA	Vietnamese
4	TRAN VAN HONG	TD2	16	1	11			72	QUYET THA	Vietnamese
5	PHAN VAN LUAT	TD2	14	1	8			60	QUYET THA	Vietnamese
6	NGUYEN VAN THAO	TD2	15	1	5			53	QUYET THA	Vietnamese
7	BUI VAN HUNG	PPD				1	20	73	KHI	Vietnamese
8	ĐO CHUNG KIEN	PPD	65	1	3			60	KHI	Vietnamese
9	TRAN SON TOAN	PPD	56	1	4			74	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN ĐỨC LAM	PPD	57	1	5			65	KHI	Vietnamese
11	VÔ VĂN QUYÊN	PPD	67	1	3			70	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC CU	PPD	64	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN CAO TUAN	PPD	63	1	12			65	CODIEN	Vietnamese
14	MAI DINH KHANG	PPD	60	1	11			49	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN THIEU	PPD	55	1	10			71	CODIEN	Vietnamese
16	LAM QUANG DUY	PPD	58	1	14			82	CODIEN	Vietnamese
17	HOANG MINH TUAN	PPD	54	1	11			74	CODIEN	Vietnamese
18	HOANG MINH THUONG	PPD	31-32	2	16			65	CODIEN	Vietnamese
19	ĐIỀU QUỐC CHINH	PPD	59	1	11			70	CODIEN	Vietnamese
20	VŨ VĂN TRIỆU	PPD	66	1	4			79	KHI	Vietnamese
21	NGÔ SY THANH	PPD	33	1	5			84	KHI	Vietnamese
22	NGUYEN QUANG DUY	PPD	61-62	2	13			85	CO DIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	6	359	6	45	3	37	1		CHUYEN 1 PAX TD2-BK15
2	BK15	0	0	0	0	3	48	4		
3	PPD	16	1.129	17	128	1	20	16		
TOTAL		22	1.488	23	173	7	105	21		
WEIGHT KG			1.488		173		105			

GRAND TOAL: 1.766 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG
PHAN NHƯ CƯỜNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: <i>Vong-1</i>	TO:SAVR- PVD8 - P4	CREW: LHM - QVIET - DUNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/1102	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHAM HUY THƯƠNG	SAVR	19	1	10	3	40	86	NT- DATA	Vietnamese
2	TRẦN TRUNG HẬU	SAVR	17	1	9			60	NT- DATA	Vietnamese
3	VÔ NHƯ CƯỜNG	SAVR	18	1	8			65	NT- DATA	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH VANG	SAVR	16	1	9			68	NT- DATA	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN ĐỨC	SAVR	20,99	2	19			79	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ĐƯƠNG	PVD8	08	1	10	2	23	65	CODIEN	Vietnamese
7	ĐẶNG TRỌNG DŨNG	PVD8				3	22	67	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN LÊ HUY	P4	29-30	2	9	1	20	71	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	32	1	9			72	KHI	Vietnamese
10	NGÔ THANH LÂM	P4	34	1	3			65	KHI	Vietnamese
11	LÊ VĂN MẠNH	P4	33	1	4			57	KHI	Vietnamese
12	PHẠM QUỐC DUY	P4	38	1	9			60	KHI	Vietnamese
13	TRẦN VĂN NĂM	P4	31	1	4			73	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH CANG	P4	35	1	6			78	KHI	Vietnamese
15	OVCHARENKO A.N	P4	37	1	7			85	KHI	Russian
16	ZAGUDAEV V.E	P4	39-40	2	9			84	KHI	Russian
17	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P4	42	1	4			79	KHI	Vietnamese
18	DƯƠNG ĐÌNH HIỆN	P4	41	1	5			65	KHI	Vietnamese
19	LÊ QUANG VINH	P4	43	1	6			69	KHI	Vietnamese
20	BUI ĐĂNG TIẾN	P4	36	1	7			70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	5	358	6	55	3	40	5		
2	PVD8	2	132	1	10	5	45	1		
3	P4	13	928	15	82	1	20	13		
TOTAL		20	1.418	22	147	9	105	19		
WEIGHT KG			1.418		147		105			

GRAND TOAL: 1.670 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

LƯU THANH HẢI
 NGUYỄN QUANG VIỆT



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO:CTK3 - PPD	CREW: LINH - N.ANH - HIẾU	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/1097	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐỖ QUANG MINH	CTK3	86	1	4	1	6	64	PSV	Vietnamese
2	TRỊNH VĂN CƯỜNG	PPD	46	1	6			69	KHI	Vietnamese
3	OKOVANTSEV G.F.	PPD	38	1	10			117	KHI	Russian
4	TRẦN HUYNH ANH PHONG	PPD	37	1	5			76	KHI	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN TUẤN	PPD	42	1	2			69	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN TẤT KHÁNH	PPD	43	1	7			73	KHI	Vietnamese
7	LÊ TRUNG LÂN	PPD	39	1	2			73	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN THÈ HÙNG	PPD	36	1	4			73	KHI	Vietnamese
9	BUI NGỌC HƯƠNG	PPD	45	1	6			62	KHI	Vietnamese
10	ĐOÀN MẠNH TOÀN	PPD						85	KHI	Vietnamese
11	TRƯỜNG HAI HÀ	PPD	48	1	6			71	KHI	Vietnamese
12	LÊ THANH TRUNG	PPD	52	1	4			65	KHI	Vietnamese
13	LƯƠNG MẠNH DƯƠNG	PPD	40	1	7	5	95	58	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH TU	PPD	44	1	6			77	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC KHUYẾN	PPD	51	1	3			74	KHI	Vietnamese
16	LÊ QUANG NINH	PPD						67	KHI	Vietnamese
17	BUI XUÂN ĐIẾP	PPD	49	1	7			63	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH LÂM	PPD	50	1	10			80	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HOÀI	PPD	47	1	7			56	PSV	Vietnamese
20	BUI VĂN QUÂN	PPD	41	1	4			65	PSV	Vietnamese
21	ĐẶNG VĂN GIANG	PPD	35	1	9			74	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	1	64	1	4	1	6	0		CHUYEN 1 CTK3-PPD
2	PPD	20	1.447	18	105	5	95	12		
TOTAL		21	1.511	19	109	6	101	12		
WEIGHT KG			1.511		109		101			

GRAND TOAL: 1.721 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: P4 - P5 - P2	CREW: HÙNG - N.CƯƠNG - HUY	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/1100	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	25	1	5	3	55	75	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG HÀ	P4						64	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC HÙNG	P4	23-24	2	18	2	38	63	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN VIỆT	P4	19-20	2	17			80	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT LỘC	P4	17-18	2	17			58	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐẶNG THANG LONG	P4	21-22	2	20			69	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐỖ MẠNH HÙNG	P4	15	1	12			60	XAYLAP	Vietnamese
8	MAI DUY TÂN	P4	16	1	11			68	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN THAI QUÂN	P4	13-14	2	16			62	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN TRUNG NAM	P4	26	1	5			58	PSV	Vietnamese
11	ĐINH VĂN LƯU	P4	27	1	5			52	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH HẢI	P2	57	1	11	1	22	62	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯƠNG TRỌNG THỊ	P2	50-51	2	7			72	T-TIN	Vietnamese
14	TRÁC ĐỨC HUY	P2	58-59	2	10			68	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ CÔNG ANH	P2	54	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
16	DUƠNG VĂN THUẬN	P2	56	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM THẾ DUYỆT	P2	55	1	6			88	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN THỎA	P2	61-62	2	11			58	QUYẾT TH	Vietnamese
19	VŨ TRỌNG TU	P2	63	1	7			59	QUYẾT TH	Vietnamese
20	DUƠNG VĂN NINH	P2	60	1	7			69	QUYẾT TH	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HOÀNG	P2	48	1	10			80	CODIEN	Vietnamese
22	PHẠM NGỌC ĐIỀU	P2	52	1	10	1	15	75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	11	709	15	126	5	93	0		
2	P5	0	0	0	0	0	0	1		
3	P2	11	761	14	93	2	37	3		
TOTAL		22	1.470	29	219	7	130	4		
WEIGHT KG			1.470		219		130			

GRAND TOAL: 1.819 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HÙNG

PHAN NHƯ CƯƠNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: BK14 - BK8 - TD3	CREW: LHM - QVIET - DUNG	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/1103	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VÔ HỒNG TÍN	BK14	59-60	2	20	1	7	81	YTE	Vietnamese
2	TRẦN MẠNH CUÔNG	BK14	58	1	10	3	57	72	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM VĂN HUÂN	BK14	51-52	2	18			62	CODIEN	Vietnamese
4	TRẦN QUỐC TOÀN	BK14	42	1	15			94	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN BA THÀNH	BK14	49-50	2	20			74	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN BỘ	BK14	45	1	16	1	8	70	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN THÈ	BK14	40	1	14			64	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐOÀN CÔNG MẠNH	BK14	55-56	2	18	1	4	72	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐINH VĂN QUANG	BK14	62	1	9			55	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐINH VĂN TUNG	BK14	53	1	17	1	13	59	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ NGỌC KỶ	BK14	43-44	2	13			56	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ QUANG DƯƠNG	BK14	47-48	2	20			72	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐĂNG THANH	BK14	41	1	19			61	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN HOANG MINH	BK8	02	1	7	5	23	73	CODIEN	Vietnamese
15	VŨ TRUNG KIẾN	TD3	29	1	14			75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN LÊ ĐĂNG QUANG	TD3	89	1	15	1	11	91	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN AN NINH	TD3	88	1	12			70	KH-THAC	Vietnamese
18	VÔ HỒNG QUAN	TD3	87	1	12			86	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG SỰ	TD3	85-86	2	16			77	CODIEN	Vietnamese
20	HOANG CAO MINH	TD3	83-84	2	11			67	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK14	13	892	19	209	7	89	0		THẢO 2 GHẾ ĐỂ CHỖ HÀNG THỰC PHẨM
2	BK8	1	73	1	7	5	23	0		
3	TD3	6	466	8	80	1	11	4		
TOTAL		20	1.431	28	296	13	123	4		
WEIGHT KG			1.431		296		123			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

LƯU THANH HẢI
NGUYỄN QUANG VIỆT



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO:RP2 - RC5 - RC4	CREW: LINH - N.ANH - MQUÂN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/1098	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN VAN QUYEN	RP2	17	1	11	1	21	68	XAY LAP	Vietnamese
2	LE QUOC HUONG	RP2	18	1	12			70	XAY LAP	Vietnamese
3	HOANG KHAC CUONG	RP2	19	1	11			70	XAY LAP	Vietnamese
4	NGUYEN VAN BAC	RP2	20-21	2	15			70	XAY LAP	Vietnamese
5	NGUYEN ANH DUC	RP2	22	1	20			96	XAY LAP	Vietnamese
6	NGUYEN CONG DOAN	RP2	23-24	2	16			75	XAY LAP	Vietnamese
7	ĐO QUỐC VŨ	RC5	18-19	2	14			68	XAYLAP	Vietnamese
8	CHU TIEN CUONG	RC5	09-10	2	14			61	XAYLAP	Vietnamese
9	TRINH HUU CHUNG	RC5	11-12	2	20			86	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN QUOC CUONG	RC5	04-05	2	19			73	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN KHAC DUY	RC5	01	1	11			72	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN VAN SON	RC5	13-14	2	20			86	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN DANH LUAT	RC5	15-16	2	16			65	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN TRAN VINH	RC5	23	1	12			60	XAYLAP	Vietnamese
15	LUONG DUC DAN	RC5	06-07	2	19			65	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VAN CUONG	RC5	08	1	19			79	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC LONG	RC5	17	1	17			65	XAYLAP	Vietnamese
18	NGHIEM TRINH NHAT	RC5	02-03	2	13			69	XAYLAP	Vietnamese
19	LE NGOC HIEP	RC4	98-99	2	14	1	10	81	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN THANG	RC4	50	1	15			65	CO DIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	6	449	8	85	1	21	1		
2	RC5	12	849	20	194	0	0	12		
3	RC4	2	146	3	29	1	10	0		
TOTAL		20	1.444	31	308	2	31	13		
WEIGHT KG			1.444		308		31			

GRAND TOAL: 1.783 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỨC HÀ

VŨ THỊ THU HƯƠNG

NGÔ VĂN LINH
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
B.CARD: VANG-3	TO:RP2 - CTC1 - RC6	CREW: DƯƠNG - SON - TOAN	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/1101	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN VĂN HANH	RP2	45-46	2	16			63	XAYLAP	Vietnamese
2	HA HUU THAI	RP2	39-40	2	19			64	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC KHANH	RP2	41-42	2	17			61	XAYLAP	Vietnamese
4	NGÔ PHẠM THANH HUY	RP2	43-44	2	16			84	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN TRUNG HIỆP	RP2	37	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN KIẾN	RP2	38	1	6			64	PSV	Vietnamese
7	VŨ VIỆT HUAN	CTC1	51	1	14	1	10	70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN VIỆT (1991)	CTC1	52	1	5			67	PSV	Vietnamese
9	NGÔ VĂN TUẤN	RC6	16	1	9			85	XAYLAP	Vietnamese
10	DƯƠNG MINH HOANG	RC6	03	1	12			66	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG THOÀ	RC6	04	1	14			67	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	RC6	06-07	2	15			90	XAYLAP	Vietnamese
13	LE NHƯ HUÂN	RC6	10-11	2	12			78	XAYLAP	Vietnamese
14	PHAN KHÁC BĂNG	RC6	14-15	2	18			74	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAN VĂN ĐỨC	RC6	12-13	2	20			74	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	RC6	08-09	2	18			67	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐĂNG HIỆU	RC6	19-20	2	18			58	XAYLAP	Vietnamese
18	VŨ XUÂN CHÍNH	RC6	05	1	8			65	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN VĂN TOÀN	RC6	17-18	2	16			69	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	6	403	10	82	0	0	0		
2	CTC1	2	137	2	19	1	10	3		
3	RC6	11	793	18	160	0	0	15		
TOTAL		19	1.333	30	261	1	10	18		
WEIGHT KG			1.333		261		10			

GRAND TOAL: 1.604 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

BUI HOANG DUONG

PHẠM THÁI SON

